

NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự, vai trò và ý nghĩa của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

– Luyện tập nhận diện các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự và viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố nghị luận.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Chương trình Ngữ văn THCS cung cấp 6 kiểu văn bản, dựa trên 6 phương thức biểu đạt chính. Trong 6 phương thức biểu đạt ấy, có những phương thức gần nhau hơn, chẳng hạn tự sự và miêu tả ; tự sự và biểu cảm, miêu tả và thuyết minh, miêu tả và biểu cảm,... Trên thế giới, nhiều nước không tách tự sự với miêu tả, không tách thuyết minh thành một phương thức riêng biệt... Phương thức nghị luận có những điểm khác biệt khá rõ với các phương thức đã nêu. Nếu các phương thức trên chủ yếu dùng hình tượng, hình ảnh, xúc cảm để tái hiện hiện thực, thì nghị luận dùng lí lẽ, lôgic, phán đoán,... nhằm làm sáng tỏ cho một ý kiến, một quan điểm, tư tưởng nào đó. Các phương thức trên là cơ sở cho tư duy hình tượng (tưởng tượng – hư cấu) còn nghị luận là cơ sở của tư duy luận lí (khoa học – lôgic). Đặc trưng của nghị luận là sự chặt chẽ, rõ ràng và có sức thuyết phục cao. Mặc dù có những điểm khác nhau như thế, nhưng nghị luận vẫn xuất hiện trong các văn bản tự sự, cũng như trong các văn bản nghị luận vẫn xuất hiện các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm và thuyết minh (xem chương trình và SGK *Ngữ văn 8*),...

2. Có thể nói trong tự sự gần như có tất cả các phương thức biểu đạt, vì tự sự chính là bức tranh gần gũi nhất với cuộc sống. Mà cuộc sống thì hết sức đa dạng, phong phú, với đầy đủ tất cả các tình huống, cảnh ngộ, tất cả các kiểu nhân vật, các mẫu người ta vẫn thường gặp hằng ngày. Để tập trung khắc hoạ kiểu nhân vật hay triết lí, hay suy nghĩ, trần trụi, về lí tưởng, về cuộc đời, về yêu

ghét, vui buồn,... như ông giáo trong truyện ngắn *Lão Hạc*, hoặc để khắc hoạ kiểu nhân vật ăn nói khúc chiết, gầy gọn "*Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời*" như Hoạn Thư trong *Truyện Kiều*,... thì Nam Cao cũng như Nguyễn Du không thể không dùng các yếu tố nghị luận để tô đậm tính cách nhân vật mà mình muốn khắc hoạ. Đương nhiên trong một văn bản tự sự, thì nghị luận chỉ là các yếu tố đan xen "thấp thoáng", cốt để làm nổi bật cho sự việc và con người. Điều này khác với văn nghị luận. Trong văn nghị luận, người viết tập trung đưa ra các luận điểm, luận cứ một cách đầy đủ, có hệ thống và hết sức chặt chẽ. Các nội dung, ý lớn, ý nhỏ phải gắn bó và phụ thuộc vào nhau trong toàn bài. Còn nghị luận trong tự sự chỉ là những yếu tố đơn lẻ, biệt lập trong một tình huống cụ thể, một sự việc hay một nhân vật cụ thể nào đó của câu chuyện.

3. Để nhận diện những dấu hiệu và đặc điểm của nghị luận trong một văn bản tự sự, cần chú ý mấy điểm sau :

– Nghị luận thực chất là các cuộc đối thoại (đối thoại với người hoặc với chính mình) trong đó người viết thường nêu lên các nhận xét, phán đoán, các lí lẽ nhằm thuyết phục người nghe, người đọc (có khi thuyết phục chính mình) về một vấn đề, một quan điểm, tư tưởng nào đó.

– Trong đoạn văn nghị luận, người viết ít dùng câu miêu tả, trần thuật mà thường dùng nhiều loại câu khẳng định và phủ định, câu có các cặp quan hệ từ như : *nếu ... thì ; không những (không chỉ) ... mà còn ; càng ... càng ; vì thế ... cho nên, một mặt ... mặt khác ; vừa ... vừa ; ...*

– Trong đoạn văn nghị luận người viết thường dùng nhiều từ ngữ như : *tại sao, thật vậy, tuy thế, trước hết, sau cùng, nói chung, tóm lại, tuy nhiên,...*

4. Bài học này tiến hành trong 1 tiết, cũng như những bài học khác, GV chú ý tập trung vào luyện tập, qua luyện tập mà củng cố lí thuyết. Phần *Luyện tập* trong SGK nêu lên hai bài tập. Bài tập 1 yêu cầu HS nhận diện các yếu tố nghị luận trong đoạn trích *Lão Hạc*. Bài tập 2 tóm tắt các nội dung lí lẽ trong sự nghị luận của Hoạn Thư trước phiên toà của nàng Kiều.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về nghị luận trong văn bản tự sự.

Để tiết kiệm thời gian, GV chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một đoạn trích theo các gợi ý mà SGK đã nêu lên.

Đoạn a : Đây là những suy nghĩ nội tâm của nhân vật ông giáo trong truyện *Lão Hạc* của Nam Cao. Như một cuộc đối thoại ngầm, ông giáo đối thoại với chính mình, thuyết phục chính mình, rằng vợ mình không ác để "chỉ buồn chứ không nổi giận". Để đi đến kết luận ấy, ông giáo đã đưa ra các luận điểm và lập luận theo logic sau :

– Nếu vấn đề : Nếu ta không cố tìm mà hiểu những người xung quanh thì ta luôn có cớ để tàn nhẫn và độc ác với họ.

– Phát triển vấn đề : Vợ tôi không phải là người ác, nhưng số dĩ thị trở nên ích kỉ, tàn nhẫn là vì thị đã quá khổ. Vì sao vậy ?

+ Khi người ta đau chân thì chỉ nghĩ đến cái chân đau (từ một quy luật tự nhiên).

+ Khi người ta khổ quá thì người ta không còn nghĩ đến ai được nữa (như quy luật tự nhiên đã nói trên mà thôi).

+ Vì cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.

– Kết thúc vấn đề : "Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận."

Về hình thức, đoạn văn trên chứa rất nhiều từ, câu mang tính chất nghị luận. Đó là các câu hô ứng thể hiện các phán đoán dưới dạng *nếu ... thì ; vì thế ... cho nên ; số dĩ ... là vì ; khi A ... thì B ...* Các câu văn trong đoạn trích đều là những câu khẳng định, ngắn gọn, khúc chiết như diễn đạt những chân lí.

Tất cả các đặc điểm nội dung, hình thức và cách lập luận vừa nêu đều rất phù hợp với tính cách của nhân vật ông giáo trong truyện *Lão Hạc* – một người có học thức, hiểu biết, giàu lòng thương người, luôn nghĩ suy, trăn trở, dằn vặt về cách sống, cách nhìn người, nhìn đời,...

Đoạn b : Trong đoạn trích *Thúy Kiều báo ân báo oán*, có thể thấy cuộc đối thoại giữa Kiều và Hoạn Thư được diễn ra dưới hình thức nghị luận. Hình thức này rất phù hợp với một phiên toà. Trước toà án, điều quan trọng nhất là người ta phải trình bày lí lẽ, chứng lí, nhân chứng, vật chứng,... sao cho có sức thuyết phục. Trong phiên toà này, Kiều là quan toà buộc tội, còn Hoạn Thư là bị cáo. Mỗi bên đều có lập luận của mình. Lập luận của Kiều thể hiện ở mấy câu đầu. Sau câu chào mỉa mai là lời đay nghiến : xưa nay đàn bà có mấy người ghê gớm, cay nghiệt như mẹ – và xưa nay, càng cay nghiệt thì càng chuốc lấy oan trái

(lưu ý HS kiểu câu khẳng định *càng ... càng*). Hoạn Thư trong cơn "hôn lạc phách xiêu" ấy vẫn biện minh cho mình bằng một đoạn lập luận thật xuất sắc. Trong 8 dòng thơ, Hoạn Thư nêu lên 4 "luận điểm" :

– Thứ nhất : Tôi là đàn bà nên ghen tuông là chuyện thường tình (nêu một lẽ thường).

– Thứ hai : Ngoài ra tôi cũng đã đối xử rất tốt với cô khi ở gác viết kinh ; khi cô trốn khỏi nhà, tôi cũng chẳng đuổi theo (kể công).

– Thứ ba : Tôi với cô đều trong cảnh chồng chung – chắc gì ai nhường cho ai.

– Thứ tư : Nhưng dù sao tôi cũng đã trót gây đau khổ cho cô nên bây giờ chỉ biết trông nhờ vào lượng khoan dung rộng lớn của cô (nhận tội và đề cao, tăng bốc Kiều).

Với lập luận trên, Kiều phải công nhận tài của Hoạn Thư là "*Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời*". Và cũng chính nhờ lập luận ấy mà Hoạn Thư đã đặt Kiều vào một tình thế rất "khó xử" :

*Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.*

Hoạt động 2. Từ việc tìm hiểu hai đoạn trích, hãy trao đổi trong nhóm để rút ra những dấu hiệu và đặc điểm của lập luận trong một văn bản.

GV căn cứ vào những gợi ý trong SGK để hướng dẫn HS tìm ra các dấu hiệu và đặc điểm của nghị luận trong một văn bản.

– Nghị luận thực chất là các cuộc đối thoại với các nhận xét, phán đoán, các lí lẽ nhằm thuyết phục người nghe, người đọc như thế nào ?

– Trong đoạn văn nghị luận, người ta thường dùng những loại từ và câu nào ? Vì sao lại sử dụng các từ và câu như thế ?

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS luyện tập.

Trong phần này, SGK nêu lên hai bài tập với các nội dung và yêu cầu khác nhau. Bài tập 1 xác định lời của người thuyết phục, nội dung và đối tượng thuyết phục. Bài tập 2 tóm tắt lí lẽ của Hoạn Thư để chứng minh lời khen của nàng Kiều.

Nội dung của các bài tập này liên quan chặt chẽ với phần tìm hiểu về nghị luận, nội dung trả lời cũng đã gợi ý trong phần trên, vì thế GV chủ yếu hướng dẫn cho HS thực hành (nói và viết).